

KINH DI LẶC

Việt Dịch: HT.Tâm Châu

Nguồn

<http://www.thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 21-6-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

NGHI THỨC TỤNG KINH DI LẶC

MẬT NIỆM

(thắp đèn đốt hương, toàn thể đứng ngay ngắn, chấp tay để ngang ngực, mật niệm)

Tịnh pháp giới chân ngôn
Úm lam sa ha (3 lần)

Lục tự đại minh chân ngôn
Úm ma ni bát mê hồng (3 lần)

(vị chủ lễ quỳ thẳng, cầm 3 cây hương, dâng ngang trán, đọc bài nguyện hương)

NGUYỆN HƯƠNG

Nguyện đem lòng thành kính,
Gởi theo đám mây hương.
Phảng phất khắp mười phương,
Cúng dường ngôi Tam bảo.
Thề trọn đời giữ đạo,
Theo tự tánh làm lành.
Cùng pháp giới chúng sinh,
Cầu Phật từ gia hộ:
Tâm Bồ đề kiên cố,
Xa bề khổ nguồn mê,
Chóng quay về bờ giác.

KỶ NGUYỆN

Nay ngày khánh hỷ, đệ tử chúng con, đứng trước Phật đài, chí thành đảnh lễ, trì tụng kinh chú, xưng tán Từ tôn, kính mong mười phương Tam bảo, Bồn sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Long Hoa giáo chủ Di Lặc Tôn Phật, Cực Lạc Giáo Chủ A Di Đà Phật, Đông Phương Giáo Chủ Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật, Đại bi Quán Thế Âm Bồ tát , Chư Tôn Bồ tát , Chư Hiền Thánh Tăng, từ bi gia hộ: Đệ tử chúng con thân tâm thanh thái, nghiệp chướng tiêu trừ , thường được an lành, xa lìa khổ ách. Tâm bồ đề kiên cố, chí tu học vững vàng. Tự giác, giác tha, giác hành viên mãn. Phật pháp trường tồn, tuệ đấng thường chiếu, thế giới thanh bình chúng sinh an lạc. Bốn sinh đều lợi, ba cõi cùng nhờ. Pháp giới chúng sinh, cùng thành Phật đạo.

TÁN PHẬT

Đấng Pháp Vương vô thượng,
Ba cõi chẳng ai bằng.
Thầy dạy khắp trời người,
Cha lành chung bốn loại.
Quy y trọn một niệm,
Dứt sạch nghiệp ba kỳ.
Xưng dương cùng tán thán
Ức kiếp không cùng tận.

QUÁN TƯỢNG

Phật chúng sinh tánh thường rỗng lặng,
Đạo cảm thông không thể nghĩ bàn,
Lưới đế châu ví đạo tràng,
Mười phương Phật bảo hào quang sáng ngời,
Trước bảo tọa thân con ảnh hiện,
Cúi đầu xin thệ nguyện quy y.

ĐẢNH LỄ

Chí tâm đảnh lễ : Nam mô tận hư không, biến pháp giới, quá hiện, vị lai thập phương chư Phật, tôn pháp, hiền thánh tăng, thường trụ Tam Bảo. (1 lạy)

Chí tâm đảnh lễ : Nam mô Sa bà Giáo chủ Bồn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Long Hoa giáo chủ, đương lai hạ sanh Di Lặc tôn Phật , Đại Trí

Văn Thù Sư Ly Bồ tát, Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ tát , Hộ Pháp chư tôn Bồ tát, Đạo tràng hội thượng Phật Bồ tát. (1 lạy)

Chí tâm đảnh lễ : Nam Mô Tây Phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi A Di Đà Phật, Đại bi Quán Thế Âm Bồ tát, Đại Thế Chí Bồ tát, Đại nguyện Địa Tạng Vương Bồ tát, Thanh Tịnh đại hải chúng Bồ tát. (1 lạy)

TRÌ TỤNG

Cành dương nước tịnh,
Rưới khắp tam thiên.
Tính không tám đức,
Lợi lạc nhân thiên.
Thấm nhuần pháp giới,
Tịnh nghiệp tăng diên.
Phúc sinh tội diệt,
Lửa hóa hồng liên.

Nam mô Thanh Lương Địa Bồ tát ma ha tát (3 lần)

CHÚ ĐẠI BI

Nam Mô Đại Bi Hội thượng Phật Bồ tát (3 lần)

Thiên Thủ Thiên Nhãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni:

1. Nam mô hát ra đất na đá ra dạ gia.
2. Nam mô A rị gia bà lô kiết đế thước bát ra gia. Bồ đề tát đỏa bà gia. Ma ha tát đỏa bà gia.
3. Ma ha ca rô ni ca gia.
4. Úm tát bàn ra phạt duệ số đất na đất tả.
5. Nam mô tát kiết lật đỏa y mông a rị gia, bà lô kiết đế thất Phật ra lăng đà bà.
6. Nam mô na ra cần trì, hệ rị ma ha bàn đả sa mế .
7. Tát bà a tha đậ du bằng, a thệ đưng, tát bà tát đá na ma bà già ma phạt đặt đậ.
8. Đất diệt tha. Úm a bà lô hê, lô ca đế, ca ra đế .
9. Di hê rị, ma ha bồ đề tát đỏa, tát bà tát bà, ma la ma la.
10. Ma hê ma hê, rị đà đưng, cu ru cu ru kiết mông.
11. Cu ru cu ru, phạt xà gia đế. Ma ha phạt xà gia đế.

12. Đà ra đà ra địa rị ni, thất Phật ra gia.
13. Giá la giá la, mạ mạ phạt ma ra, mục đế lệ .
14. Y hê, y hê, thất na thất na, a ra sâm Phật ra xá lệ.
15. Phạt sa phạt sâm, Phật ra xá gia. Hu lu hu lu ma la.
16. Hu lu hu lu hê lệ, sa ra sa ra, si ri si ri , su ru su ru.
17. Bồ đề dạ, bồ đề dạ, bồ đà dạ, bồ đà dạ.
18. Di đế rị gia, na la cần trì, địa rị sắt ni na.
19. Ba dạ ma na sa bà ha. tất đà dạ sa bà ha. Ma ha tất đà dạ sa bà ha.
20. Tất đà đủ nghê thất bàn ra dạ sa bà ha. Na la cần trì , sa bà ha.
21. Ma ra na ra sa bà ha. Tất ra tăng a mục kê da, sa bà ha.
22. Sa bà ma ha, a tất đà dạ, sa bà ha. Giả kiết ra a tất đà dạ, sa bà ha.
23. Ba đà ma kiết tất đá dạ, sa bà ha. Na la cần trì bàn già ra gia, sa bà ha.
24. Ma bà rị thắng kiết ra dạ, sa bà ha.
25. Nam mô hát ra đất na đá ra dạ gia.
26. Nam mô a rị gia bà lô kiết đế , thước bàn ra dạ, sa bà ha.
27. Úm tất điện đô mạn đá ra bạt đà gia, sa bà ha. (3 lần)

SÁM NGUYỆN

Đệ tử kính lạy,
Đức Phật Thích Ca,
Phật A Di Đà.
Thập phương chư Phật,
Vô lượng Phật Pháp,
Cùng thánh hiền Tăng.
Đệ tử lâu đời lâu kiếp,
Nghiệp chướng nặng nề,
Tham giận kiêu căng,
Si mê lầm lạc.
Ngày nay nhờ Phật,
Biết sự lỗi lầm,
Thành tâm sám hối,
Thề tránh điều dữ,
Nguyện làm điều lành.
Ngũra trông ơn Phật ,
Từ bi gia hộ,
Thân không tật bệnh,

Tâm không phiền não.
Hằng ngày an vui tu tập,
Pháp Phật nhiệm màu.
Để mau ra khỏi luân hồi,
Minh tâm kiến tánh,
Trí tuệ sáng suốt,
Thần thông tự tại.
Đặng cứu độ các bậc tôn trưởng,
Cha mẹ anh em,
Thân bằng quyến thuộc,
Cùng tất cả chúng sinh,
Đồng thành Phật đạo.

TÁN HƯƠNG

Lò hương vừa đốt
Cõi Phật thơm lây
Chư Phật bốn biển đều xa hay.
Thấu tâm thành này,
Chư Phật hiện thân ngay.

Nam mô Hương Vân Cái Bồ tát ma ha tát (3 lần)

Chân ngôn sạch nghiệp khẩu

Tu rị, tu rị, ma ha tu rị, tu tu rị, sa bà ha (3 lần)

Chân ngôn sạch nghiệp thân

Tu đa rị, tu đa rị, tu ma rị, sa bà ha (3 lần)

Chân ngôn sạch ba nghiệp

Úm sa phạt bà phạt, truật đà sa phạt, đạt ma sa phạt, bà phạt truật độ
hám. (3 lần)

Chân ngôn an thổ địa

Nam mô tam mãn đả một đà nẫm, úm độ rô độ rô địa vĩ, sa bà ha. (3 lần)

Chân ngôn phổ cúng dường

Úm nga nga nẵng tam bà phạt phiệt nhật la hộc. (3 lần)

TỤNG KINH PHÁT NGUYỆN

Kính lạy tam giới tôn,
Quy mệnh mười phương Phật,
Con nay phát nguyện rộng,
Trì tụng kinh Di Lạc.
Trên đền bốn ơn nặng,
Dưới cứu khổ ba đường.
Nếu ai thấy, nghe được,
Đều phát lòng Bồ đề.
Khi hết báo thân này,
Dự vào Long Hoa hội.

Nam mô Long Hoa Giáo Chủ Đương Lai Hạ Sanh Di Lạc Tôn Phật (3 lần)

KỆ KHAI KINH

Pháp Phật cao siêu rất nhiệm màu,
Nghìn muôn ức kiếp dễ hay đâu.
Con nay nghe thấy xin vâng giữ,
Chân nghĩa Như Lai hiểu thật sâu.

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. (3 lần)

Nam mô Đạo Tràng Hội Thượng Phật Bồ tát . (3 lần)

PHẬT NÓI KINH DI LẠC HẠ SINH THÀNH PHẬT.(1)

Hán dịch: Tam Tạng Pháp Sư Nghĩa Tịnh

Việt dịch: Thích Tâm Châu

1. Chính tôi được nghe, vào một thời kia, Thế tôn an trụ trên núi Linh Thứu, thuộc thành Vương Xá. Ngài và một số chúng Đại Bất Số cùng ở nơi này (2).

2. Và, khi bấy giờ có bậc đại trí là Xá Ly tử, là bậc pháp tướng, tối cao trong chúng vì thương thế gian, liền từ tòa ngòai, khoan thai đứng dậy, trẽ áo vai hữu, gối hữu quỳ đất, cháp tay cung kính, bạch Thế Tôn rằng: “ Kính bạch Thế Tôn Kính mong Thế Tôn, rũ lòng cháp thuận.”

3. Đức Phật kiến bảo ông Xá Ly Tử :“ Tùy ông hỏi gì, Ta sẽ giảng giải.”

4. Ngay lúc bấy giờ, ông Xá Ly Tử, thỉnh vấn Thế Tôn bằng lời kệ tụng:

“ Như kinh đã nói, Đại Sư thụ ký vị Phật sau này là ngài Từ Thị. Kính mong Thế Tôn, trùng tụng kinh ấy, và phân biệt rõ uy đức thần thông của ngài Từ Thị. Chúng con muốn nghe về vấn đề ấy.”

5. Đức Phật từ ái, bảo Xá Ly Tử :“ Ông nên chí tâm, lắng nghe cho rõ, Ta sẽ vì ông nói rộng về việc Thế Tôn Từ Thị, trong đời sau này.”

6. Với thế gian ấy, nước nơi biển cả, dần dần cạn đi, xuống đến hai nghìn ba trăm do tuần (3) để lộ đất đai của Chuyển Luân Vương. Nam thiện bộ châu, đất đai ngang dọc, hàng vạn do tuần, và khắp mọi nơi đã có chúng sinh an trụ trong đó, đều được sung mãn. Đất nước giàu thịnh, không có hình phạt, không có tai ách. Nam nữ nơi đây, do thiện nghiệp sinh. Đất không có gai, thuần cỏ xanh mềm. Chân bước lên trên, như trên bông mịn. Đất nước tự nhiên mọc lên lúa hương, mùi vị thơm ngon, thảy đều đầy đủ. Tự nhiên các cây, hóa ra y phục, đủ để trang nghiêm. Mỗi cây cao độ ba vạn câu xa (4), hoa quả đầy dẫy.

7. Người trong nước ấy sống tám vạn tuổi, không có tật khổ, không có phiền não, thường an vui. Đức tướng trang nghiêm, sắc lực viên mãn. Nhưng người ta lo chỉ về ba việc, là lo thức ăn, lo sự suy yếu, lo sự tiện lợi. Về phần nữ giới, mãi năm trăm tuổi, mới kết hôn nhân. Khi người nào đó, muốn di tiện lợi, đất tự nứt ra, tiện lợi vào đó, đất liền khép lại. Khi sắp mệnh chung, tự mình đi đến ngay nơi nghĩa trang thân hóa tại đó. Đô thành Luân Vương là diệu Chàng tướng. Bề dọc đô thành mười hai do tuần. Bề rộng của nó là bảy do tuần.

Dân cư trong thành, đều là những người đã trồng nhân tốt. Thành có thặng đức, ai ở đều vui. Lâu đài, các sở ngăn ngừa kẻ địch, tất cả xây nên, đều bằng thất bảo (6). Khóa cùng các cửa, cũng dát châu báu. Hòa rãnh quanh thành, làm bằng ngọc quý. Hoa thơm lừng lầy, chim đẹp liệng bay. Bảy hàng đa la (2) trồng quang tất cả. Và, đều trang nghiêm bằng các châu báu. Trên mỗi cây ấy đều treo chuông khánh. Gió hiu hiu thổi vào các cây báu, diễn ra những tiếng, êm dịu nhiệm mầu, như tấu bát âm (8) người nghe hoan hỷ. Nơi nào cũng có ao hồ đẹp mắt, trong đó đầy dẫy những hoa tạp sắc. Vườn, rừng thơm đẹp, thành quách trang nghiêm.

8. Đất nước này có một vị thánh chủ tên là Hượng Khư, là Kim luân Vương, cai trị bốn châu, uy lực, giàu thịnh. Phúc nghiệp nhà vua, mạnh mẽ vô song. Lại còn cả bốn loại hùng binh. Mọi thứ thành tựu, đều bằng thất bảo. Nhà vua còn có một nghìn người con. Bốn biển thanh bình, không có chiến tranh. Chính pháp dạy dân, khuyên đều bình đẳng. Đất nước còn có bốn kho tàng lớn. Trong mỗi kho tàng có trăm vạn ức những thứ trân bảo. Ở Yết Lăng Già, có một kho báu là Băng Kiệt La. Ở Mật Hy LA, có một kho báu là Bát Trục Ca. Ở nơi Kiền Đà, có một kho báu Y La bát La. Ở Bà La Tư, có một kho báu tên là Hượng Khư. Bốn kho báu ấy, thuộc vua Hượng Khư. Do nương nhờ vào bao phúc nghiệp trước, cho nên ngày nay, quả báo thành tựu.

9. Nhà vua lại có phụ quốc đại thần, dòng Bà La Môn, tên là Thiện Tịnh. Ông làm Quốc Sư, là bậc đa văn, hiểu suốt “ Tứ Minh” (9) thông các tạp luận, ham nghe, ham học, khéo léo hành trì, lại khéo giáo hóa, và đến những môn huấn giải, thanh minh (10) ” đều nghiên cứu cả. Và bà Tịnh Diệu là vợ Thiện Tịnh, vóc dáng đoan nghiêm, ai trông thấy bà cũng đều hoan hỷ.

10. Nay đức Từ Thị, từ trời Đâu Suất (11) mượn nơi Tịnh Diệu, mang bào thai người, cho thân sau cùng. Mang thai đại thánh, đầy đủ mười tháng. Một hôm tôn mẫu của đức Từ thị, thăm vườn Diệu Hoa. Khi đến vườn này, bà không ngồi, nằm, đứng vịn cây hoa, bỗng nhiên dẫn sinh ra đức Từ Thị.

11. Khi Từ Thị sinh từ nơi nách phải thân mẫu Ngài, như ánh mặt trời, vượt khỏi mây mờ, phóng ra ánh sáng, chiếu khắp tất cả. Tuy

mượn bào thai, nhưng không nhiễm xúc những cảnh trần tục. Như hoa sen thơm, từ nước mọc lên.

12. Khi ánh sáng chiếu tràn lan ba cõi (12) , tất cả mọi nơi, nơi nào cũng đều kính ngưỡng ánh sáng của đức Từ Thị. Và trong khi sinh, Đế Thích Thiên Chủ (13) , tự nâng Bồ tát và rất vui mừng, gặp Lương Túc Tôn (14) . Trong thời gian ấy, tự nhiên Bồ tát kinh hành bảy bước, trong mỗi bước đi, nở hoa sen báu.

13. Khi ấy Từ Thị quan sát mười phương tuyên cáo chư thiên và nhân chúng rằng; “ Đây thân tối hậu, đạt tới vô sinh, chứng nhập Niết bàn”. (15)

14. Sau giờ phút ấy, rồng phun thanh thủy, tắm thân Đại Bi, chư thiên rải hoa, rợp khắp hư không, chư thiên cầm lọng, che Đại Từ Tôn. Ai ai cũng đều sinh tâm hy hữu, và đều thủ hộ thân của Bồ tát.

15. Vú nuôi nâng niu, ẵm thân Bồ Tát. Thấy thân hiện rõ 32 tướng tốt, đủ mọi ánh sáng. Bà liền trao Ngài cho thân mẫu Ngài. Người trong hoàng cung đem se đến rước. Xe này trạm trở, trang nghiêm châu báu. Mẹ con lên xe chư thiên nâng đỡ. Nghìn thứ âm nhạc, trở khúc vui mừng, dẫn đạo về cung.

16. Từ Thị vào thành, hoa trời tung rải. Ngày Ngài đản sinh., thể nữ mang thai, thân được an ổn, đều sinh con trai, thông minh trí tuệ. Tôn phụ thiện tịnh nhìn dung nhan con, đủ 32 tướng, tâm sinh hoan hỷ. Rồi ông xem tướng, biết con hai tướng: nếu ở thế gian, làm chuyển luân vương, và nếu xuất gia, thành bậc Chính Giác.

17. Bồ Tát khôn lớn, thương xót chúng sinh. Chúng sinh ở trong đau khổ, hiểm nạn, và bị luân hồi, không lúc ngừng nghỉ. Thân Ngài sắc vàng, sáng tỏa rực rỡ. Âm thanh của Ngài, như tiếng phạm âm. Mắt Ngài ánh xanh, như hoa sen xanh. Chi thể của Ngài, tám mươi khủy tay. và tướng đoan nghiêm, như mặt trăng tròn.

18. Đối với Bồ tát, mọi nghề đều giỏi. Lại khéo dạy bảo những người theo học. Ngay đến trẻ nhỏ xin theo học Ngài, số người đến cả tám vạn bốn nghìn.

19. Vào thế gian ấy Luân Vương Hướng Khư dựng cờ bảy báu (17) , cờ cao vào cỡ khoảng bảy mươi tầm (18) , và rộng vào khoảng, độ

sáu mươi tám. Dụng cờ xong rồi, vua phát xả tâm, cho Bà La Môn, lập hội vô gia (19) , làm việc bố thí, một cách bình đẳng.

20. Trong thế gian này, các hàng Phạm Chí (20), có đến nghìn người, được cờ báu này, tích tấc hư bề. Bồ tát thấy thế, Ngài tự niệm rằng, sự việc thế tục, đều như thế cả. Đều bị sinh tử khổ đau ràng buộc. Do đó, Ngài liền nghĩ đến xuất ly. Mong đạo tịch diệt, bỏ tục xuất gia. Xuất gia chứng đạo, cứu vớt chúng sinh, ra khỏi luân hồi, sinh, già , bệnh, chết.

21. Ngày đức Từ Tôn, hưng khởi đại nguyện, đã có số người tám vạn bốn ngàn, sinh tâm yếm ly, tu theo phạm hạnh. Đêm mới phát tâm, xả tục xuất gia, Ngài đã chứng được ngôi đẳng giác địa. Có cây Bồ đề, tên là Long Hoa, cao bốn do tuần, tươi tốt sum sê. Cành lá che rợp, tỏa ra bốn bên, sáu câu lô xá. Từ Thị đại bi, thành ngôi cháng giác, dưới gốc cây này.

22. Đối với loài người, Từ Thị đại bi là bậc tối thắng, Ngài đủ tám thứ âm thanh cõi Phạm (21). Thuyết pháp độ sinh, bỏ các phiền não. Khổ, nơi sinh khổ, tất cả trừ diệt. Tu tám chính đạo (22) , lên bờ Niết Bàn. Ngài vì các hàng thanh tín nam nữ, nói bốn chân đế (23). Được nghe pháp rồi, dốc lòng vâng giữ.

23. Trong vườn Diệu Hoa, chúng họp đông đảo. Đầy đủ quyền thuộc, hàng trăm do tuần. Hướng Khư Luân Vương, nghe pháp thâm diệu, bỏ hết trần lao, tâm thích xuất gia. Không tiếc thứ gì, trong nơi hoàng cung. Chỉ dốc một lòng, mong cầu xuất ly. Và cả quần chúng, tám vạn bốn nghìn, cũng đều theo vua, xuất gia tu đạo. Lại cả trẻ nhỏ, dòng Bà la môn, số đông ắt có, tám vạn bốn nghìn, nghe vua bỏ tục, cũng cầu xuất gia. Cả quan Chủ Tạng, tên là Thiện Tài, và nghìn quyền thuộc, cũng cầu xuất gia. Nàng Tỳ Xá Khư, bảo nữ trong cung, cùng những tùy tùng, tám vạn bốn nghìn, đều cầu xuất gia. Cho đến con số, trên trăm nghìn người thiện nam, thiện nữ, nghe Phật nói pháp cũng cầu xuất gia.

24. Ngài là một bậc Thánh chủ từ bi, được người và trời, cung kính tôn trọng. Quán tất cả tâm chúng sinh rồi, tuyên diễn pháp yếu. Ngài bảo đại chúng, các vị nên biết, với lòng từ bi của Phật Thích Ca, đã dạy các vị, tu theo chính đạo, do đó các vị sinh trong pháp tôi. Với nhân duyên trước, hoặc dùng hương hoa, tràng phan lọng tán, trang

nghiêm đẹp đẽ, cúng dường Mâu Ni, nên được sinh vào pháp hội của Tôi. Hoặc dùng các thứ uất kim trầm thủy, các loại đất bùn, thơm tho sạch sẽ, dùng để xây cất và để tô trát, cúng dường vào ngôi tháp Phật Mâu Ni. Do nhân duyên ấy, sinh trong pháp Tôi. Quy y Phật, Pháp. Tăng, cung kính thân cận, tu mọi thiện hạnh, sẽ được sinh vào pháp hội của Tôi. Hoặc trong Phật pháp, thọ trì học xứ, khéo giữ không phạm, sẽ được sinh vào pháp hội của Tôi. Với tứ phương tăng, cúng áo, món ăn, cùng những thuốc tốt, sẽ được sinh vào pháp hội của Tôi. Trong bốn kỳ chay, hoặc tháng thần thông (24), thọ trì tám giới (25), sẽ được sinh vào pháp hội của Tôi. Hoặc dùng ba thông như thần cảnh ký và giới giáo thụ (26), giáo đạo Thanh Văn, diệt trừ phiền não, để được dự vào pháp hội Long Hoa.

25. Hội đầu thuyết pháp, độ các Thanh Văn, khỏi phiền não chướng. Số người được độ, chín mươi sáu ức. Hội hai, thuyết pháp, độ các Thanh Văn, qua biển vô minh. Số người được độ, chín mươi bốn ức. Hội ba, thuyết pháp, độ các Thanh Văn, điều phục thiện tâm. Số người được độ, chín mươi hai ức.

26. Ba lần chuyển pháp, nhân thiên thuần tịnh, đem chúng đệ tử, vào thành khuất thực. Vào Diệu Thành thành, đường xá nghiêm sạch. Trời cúng dường Phật, rải hoa mạn đà, các thiên chúng khác: Tứ vương, Phạm vương . . . , cúng dường hương hoa, quanh thân đại bi. Chư Thiên đức lớn, dâng y phục đẹp. Các vật cúng dường của các chư thiên, phát phối thành ấp, tràn ngập đường xá. Mục đích các vị, cung kính chiêm ngưỡng bậc đại y vương, ra đời hóa độ. Hương hoa diệu bảo khắp chốn, khắp nơi, ai bước chân lên, như bước lên nệm bông dâu-la-miên (27). Tràng phan âm nhạc, la liệt bên đường.

27. Vua trời Đế Thích, cùng chúng nhân thiên, tán thán công đức, bậc đại Từ Tôn: Nhất tâm kính lễ bậc Thiên Thượng Tôn. Nhất tâm kính lễ bậc Sĩ Trung Thắng. Lành thay Thế Tôn, thương xót thế gian. Có uy đức lớn, làm cho chúng ma, quy tâm đỉnh lễ, tán ngưỡng Đạo Sư. Thiên chúng Phạm vương, quyến thuộc vây quanh, dùng tiếng Phạm Âm, xiển dương diệu pháp.

28. Trong thế giới này, nhiều A la hán, trừ bỏ lậu nghiệp, lìa hẳn phiền não. Nhân, Thiên, Long Thần, Càn Thát, Tu la, La sát, Dược Xoa. . . hoan hỷ cúng dường.

29. Đại chúng khi ấy, dứt chướng, trừ hoặc, siêu việt sinh tử, tu hạnh thanh tịnh, đại chúng khi ấy, không ham của báu, vô ngã, ngã sở, tu hạnh thanh tịnh. Đại chúng khi ấy, xé lưới tham ái, tĩnh lự hoàn toàn, tu hạnh thanh tịnh. Đại chúng khi ấy, xé lưới tham ái, tĩnh lự hoàn toàn, tu hạnh thanh tịnh.

30. Thế Tôn Từ Thị, thương xót hữu tình, thuyết pháp độ sinh, trong sáu vạn năm, hóa trăm vạn ức, qua biện phiền não.

31. Có duyên đều độ, rồi nhập Niết Bàn. Thế Tôn Từ Thị, sau nhập Niết Bàn, chính pháp còn lại được sáu vạn năm.

32. Ở trong pháp ta, thâm tâm tín thụ, trong ngày sau này, được gặp Từ Thị. Nếu người thông tuệ, nghe nói việc này, ai không vui mừng, mong gặp Từ Thị. Người cầu giải thoát, gặp hội Long Hoa, cúng dường Tam bảo. Đừng nên phóng dật.

33. Bảy giờ Thế Tôn vì Xá Ly Tử và cả đại chúng, nói và ghi nhận sự việc sau này của đức Từ Thị. sau đó, lại bảo ngài Xá Ly Tử, nếu có thiện nam và thiện nữ nào nghe được pháp này, thụ trì đọc tụng, và vì người khác, diễn nói chính pháp, như nói, tu hành, cúng dường hương hoa, viết chép kinh quyển. . ., thì những người ấy, về đời sau này, quyết định sẽ được gặp đức Từ Thị, và trong ba hội, nhờ ơn cứu độ.

34. Khi đức Thế Tôn nói bài tụng rồi, ngài Xá Ly Tử và cả đại chúng, hoan hỷ tín thụ, đĩnh lễ vâng làm.

PHẬT NÓI KINH QUÁN DI LẶC BỒ TÁT THƯỢNG SINH ĐÂU SUẤT THIÊN (1).

Hán dịch: Cư sĩ Cù Kinh Thanh đời Tống.

Việt dịch: Thích Tâm Châu.

1. Chính tôi được nghe, vào một thời kia, đức Phật trụ tại vườn Cấp Cô Độc, rặng cây Kỳ Đà, thuộc nước Xá vệ.

2. Bảy giờ Thế Tôn cử động thân thể, phóng ra hào quang. Hào quang sắc vàng, quanh vườn Kỳ Đà. Quanh suốt bảy vòng, rồi chiếu vào nhà ông Tu Đạt (2) ở. Hào quang chiếu này cũng bằng sắc vàng.

Hào quang vàng này, như từng đám mây lan tỏa cùng khắp cả nước Xá Vệ . Lan tới chỗ nào , nơi ấy đều mưa.

3. Sau đó, Ngài lại hóa hoa sen vàng. Trong mỗi hào quang hóa hoa sen vàng, trong đó có đến vô lượng trăm nghìn chư đại hóa Phật , và mỗi hóa Phật, đều xưng lên rằng: “ Nay ở trong này có nghìn bồ tát, sẽ thành Phật đạo. Đầu tiên thành Phật, Ngài Câu Lưu Tôn. Và thời sau cùng , vị được thành Phật là ngài Lô Chí ”.

4. Các vị hóa Phật, nói lời ấy rồi, ông Kiều Trần Như, từ thiên định dậy, cùng với hai trăm năm mươi quyển thuộc cùng đến nơi Phật . Ngài Đại Ca Diếp cũng cùng hai trăm năm mươi quyển thuộc, cùng đến nơi Phật. Đại Mục Kiền Liên cũng cùng hai trăm năm mươi quyển thuộc, cùng đến nơi Phật. Tôn giả Xá Ly cũng cùng hai trăm năm mươi quyển thuộc, cùng đến nơi Phật. Tu Đạt trưởng giả cũng cùng ba nghìn vị Ưu bà Tắc (3), cùng đến nơi Phật. Tỳ Xá Khư Mầu cũng cùng hai nghìn vị Ưu bà Di (4) , cùng đến nơi Phật. Chúng đại Bồ tát gồm mười sáu vị như là Bồ tát Bạt Đà Bà La ..., cũng đến nơi Phật. Ngài pháp vương tử (5) Văn Thù Sư Lý cũng cùng năm trăm vị Bồ tát khác cùng đến nơi Phật. Cả đến các vị Thiên, Long, Dạ Xoa, cùng Càn Thát Ba..., hết thấy đại chúng, thấy hào quang Phật , đều cùng vân tập đến nơi Phật trụ.

5. Bấy giờ Thế Tôn lại phóng thêm ra hàng nghìn hào quang tướng quảng trường thiệt. Trong mỗi hào quang, có nghìn màu sắc, có nhiều hóa Phật. Các hóa Phật ấy, tuy rằng khác miệng, nhưng đồng âm thanh, đều nói lên rằng: “ Các đại Bồ tát đều thanh tịnh này, có Đà ra ni (6) rất sâu vi diệu không thể nghĩ bàn như : đà ra ni mục khư, đà ra ni không tuệ, đà ra ni vô ngại tính, đà ra ni đại giải thoát vô tướng”.

6. Khi ấy Thế Tôn dùng một âm thanh nói ra trăm ức môn đà ra ni. Lúc Thế Tôn nói đà ra ni song, ở trong pháp hội có một Bồ tát tên là Di Lặc, nghe lời Phật nói tức thời chứng được hàng trăm vạn ức môn đà ra ni, và ngay sau đó, Bồ tát Di Lặc, liền từ tòa ngồi, nghiêm chỉnh y phục, xoa tay. chấp tay, đứng ngay trước Phật.

7. Và, cùng khi ấy, ông Ưu Bà Ly, từ tòa đứng dậy, đầu diện tác lễ, bạch đức Phật rằng:“ Kính bạch Thế Tôn, xưa kia khi Thế Tôn nói trong kinh luật rằng, A Đạt Đa sẽ được thành Phật, ở đời sau này.

Nay con thấy rằng ông A Dật Đa vẫn còn đầy đủ tám thân phàm phu và chưa dứt hết được các lậu hoặc. Khi Di Lạc mất sẽ sinh nơi nào ? Bản thân Di Lạc, con người hiện nay, tuy là xuất gia, không tu thiền định, không dứt phiền não. Thế Tôn thụ ký (7) cho ông Di Lạc con không dám nghi. Nhưng, con muốn biết, khi ông mất rồi, sinh vào nước nào ?

8. Thế Tôn liền bảo ông Ưu Bà Ly :“ Ông hãy nghe kỹ, nghe cho thật kỹ và khéo nhớ nghĩ, nay Như Lai đây, bậc Chánh biến tri, ở trong chúng này, nói về Di Lạc bậc đại bồ tát, thụ ký vô thượng chính đẳng chánh giác”.

9. Sau mười hai năm, Di Lạc mệnh chung, quyết được sinh lên cõi trời Đâu Suất. Trên trời Đâu Suất có năm trăm ức các vị Thiên tử. Mỗi vị Thiên tử đều tu về pháp thí Ba la mật. Các vị Thiên tử vì sự cúng dường một vị Bồ tát “ Nhất sinh bồ sứ ” (8) nhờ phúc lực ấy, xây cất cung điện. Các vị trút bỏ cả các mũ báu chiên đàn ma ni, quỳ thẳng, chấp tay, phát lời nguyện rằng :“ Ngày nay chúng con đem các bảo châu và mũ thiên quan, thực vô giá này, chỉ với mục đích cúng dường cho bậc “ Đại tâm Chúng Sinh” Vì, rằng bậc này, không bao lâu nữa, ở trong đời sau, thành bậc vô thượng chính đẳng chính giác. Chúng con chỉ mong, trong đời sau này, chúng con sẽ được trang nghiêm quốc giới củ a đức Phật ấy, và được thụ ký. Nếu được như thế , mũ báu của chúng con, hóa thành đồ cúng”. Rồi cứ như thế, các vị thiên tử lần lượt quỳ thẳng cũng lại phát nguyện, nguyện lớn như trên.

10. Khi các Thiên tử phát nguyện xong rồi, các mũ báu ấy hóa thành năm trăm vạn ức cung báu. Mỗi một cung báu có một trùng tường. Mỗi một trùng tường, xây bằng bảy báu. Và, mỗi thứ báu phóng ra hàng năm trăm ức ánh sáng. Trong mỗi ánh sáng, có năm trăm ức bông hoa sen lớn. Mỗi một hoa sen, lại biến hóa ra thành năm trăm ức hàng cây bảy báu. Mỗi một lá cây, lại có hàng năm trăm ức sắc báu. Mỗi một sắc báu, có năm trăm ức ánh sáng vàng ròng cõi Diêm phù đàn (9). Mỗi một ánh sáng như ánh vàng ròng cõi Diêm phù đàn, hiện năm trăm ức chư thiên bảo nữ. Mỗi nàng bảo nữ, đứng dưới cây báu, cầm hàng trăm ức vô số anh lạc (10). Và, trong khi ấy, tự nhiên trỗi lên âm nhạc vi diệu. Trong âm nhạc ấy, diễn thuyết ra những pháp luân bất thoái. Các cây báu ấy, sinh ra các quả, màu như pha lê. Các ánh sáng ấy, chiếu theo chiều phải, uyển chuyển

phát ra nhiều thứ âm thanh. Những âm thanh ấy, nói ra những pháp đại từ, đại bi.

11. Về mỗi trùng tường, cao độ vào khoảng, sáu hai do tuần. Tường dày vào khoảng mười bốn do tuần. trong trùng tường ấy, có năm trăm ức các vị Long vương vây quanh gìn giữ. Mỗi vị Long vương, hóa hàng trăm ức hàng cây bảy báu, để trang nghiêm thêm các trùng tường ấy. Rồi tự nhiên có gió hiu hiu thổi động các cây ấy. Các cành cây ấy va chạm vào nhau, diễn ra những pháp: khổ, không, vô thường, vô ngã, và cả pháp ba la mật.

12. Trong cung điện này, có vị đại thần, danh hiệu gọi là Lao Độ Bạt Đề, liền từ tòa ngai đứng dậy đỉnh lễ tất cả chư Phật ở khắp mười phương, vá phát ra lời thệ nguyện rộng lớn: “Nay tôi muốn xây ngôi thiện pháp đường, chí thành cúng dường Bồ tát Di Lặc. Nếu có phúc ấy, nơi trán của tôi, tự nhiên xuất ra nhiều thứ bảo châu, để tôi được làm theo như sở nguyện”. Đại thần nguyện rồi, tự nhiên trên trán xuất ra trăm thứ bảo châu, lưu ly, và ngọc pha lê, tất cả màu sắc ấy như ngọc ma ni này, chiếu tỏa hư không, liền hóa hiện ra bốn mươi chín trùng bảo cung ấy, được hợp thành lại, kể như vạn ức viên ngọc ma ni, màu sắc tía biếc, thấu suốt trong ngoài. Ánh ma ni này, chiếu tỏa hư không, liền hóa hiện ra bốn mươi chín trùng bảo cung vi diệu. Mỗi hàng lan can cửa bảo cung ấy, được hợp thành lại, kể như vạn ức viên ngọc ma ni, ở dưới bảo sở của cõi Phạm thiên. Các lan can ấy, tự nhiên hóa sanh chín ức thiên tử, và năm trăm ức các nàng thiên nữ. Tay mỗi thiên nữ lại hóa sinh ra vô lượng ức vạn hoa sen bảy báu. Trên mỗi hoa sen, có đến vô lượng số ức hòa quang. Trong hào quang ấy đủ các nhạc khí. Các nhạc khí ấy, không đánh tự kêu. Khi tiếng nhạc khí tự nhiên phóng ra, các nàng thiên nữ cũng cầm nhạc khí, ganh đua ca vũ. Những ca vũ ấy chỉ ca diễn nói về mười điều thiện, bốn nguyện rộng lớn. Chư Thiên nghe rồi, phát vô thượng tâm.

13. Trong các vườn hoa, có những mương nước, tạo bằng lưu ly, tám màu xen lẫn. Trong mỗi mương nước, được hợp thành bởi hàng năm trăm ức các thứ bảo châu. Trong mỗi mương nước, nước có tám vị, tám sắc đầy đủ. Khi nước phun ra, phun vòng hành cột, ra ngoài bốn cửa, lại hóa sinh ra bốn loại hoa quý. Nước trong hóa ra, như hoa báu tỏa. Trên mỗi bông hoa, hăm bốn thiên nữ, sắc thân vi diệu, như sự trang nghiêm, thân các Bồ tát. Trong tay thiên nữ, tự nhiên hóa sinh, hàng năm trăm ức các loại bảo khí. Trong mỗi bảo

khí, tự nhiên cam lộ, tràn đầy trong ấy. Các nàng thiên nữ, vai tã mang đầy những vòng anh lạc, vai hữu lại mang vô lượng nhạc khí. Âm thanh nhạc khí, như mây trên không, từ hơi nước tự. Âm thanh lưu lượng, chỉ tán thán về sáu ba la mật của các Bồ tát. Nếu ai sinh lên cõi trời Đâu Suất, tự nhiên cũng được các thiên nữ ấy, hầu hạ sẵn sóc.

14. Có các tòa ngời, hình sư tử lớn, tạo bằng bảy báu, cao bốn do tuần. Tòa sư tử ấy, được trang nghiêm bằng vàng Diêm phù đàn, và cùng rất nhiều các châu bảo khác. Bốn góc tòa này, trạm bốn hoa sen. Mỗi một hoa sen, được tạo ra bằng hàng trăm thứ báu. Mỗi thứ báu ấy, luôn luôn phóng ra trăm ánh sáng. Trong ánh sáng ấy, rất là vi diệu, chúng biến hóa ra các tạp hoa khác, bằng các châu báu, hàng trăm ức bông, để trang nghiêm cho các cờ (11) bảy báu.

15. Và, khi bảy giờ trăm nghìn Phạm vương mỗi vị đều mang một thứ diệu bảo của cõi Phạm thiên, làm thành chuông báu, treo trên ngọn cờ. Các Tiểu Phạm vương, cũng mang các thứ châu báu cõi mình, làm thành màn lưới, giăng phủ lên trên các lá cờ báu. Trăm nghìn quyến thuộc thiên tử, thiên nữ, cũng đem hoa báu, đặt trên các tòa và, các hoa ấy, tự nhiên hiện ra hàng năm trăm ức các nàng bảo nữ, tay cầm bạch phát (12) , đứng hầu dưới cờ.

16. Nâng đỡ cung điện, bốn góc điện có bốn cây cột báu. Mỗi cột báu ấy, lại hóa hiện ra trăm nghìn lâu các, có hàng trăm nghìn các nàng thiên nữ, sắc đẹp vô cùng, tay cầm nhạc khí. Trong nhạc khí ấy, phát ra âm thanh, diễn nói các pháp: khổ, không, vô thường, vô ngã và cùng các ba la mật.

17. Như thế thiên cung, có trăm ức vô lượng bảo sắc. Cho đến hết thấy các nàng thiên nữ cũng bằng bảo sắc. Do đó, vô lượng chư thiên ở khắp mười phương. khi sắp mệnh chung, đều nguyện sinh lên cung trời Đâu Suất .

18. Cung trời Đâu Suất , có năm đại thần : Đệ nhất đại thần tên là Bảo Chàng. Thân vị thần này biến ra bảy báu, trải khắp quanh tường ở trong cung điện. Mỗi thứ báu ấy, lại hóa ra thành rất nhiều nhạc khí, treo trong chỗ trống. Rồi nhạc khí ấy, trỗi lên tiếng nhạc. Những tiếng nhạc ấy, hợp ý chúng sinh. Đệ nhị đại thần, tên là Hoa Đức. Thân vị thần này, biến ra các hoa, rải khắp quanh tường ở trong

cung điện. Các loại hoa ấy, biến thành lọng hoa. Mỗi một lọng hoa, có hàng trăm nghìn đủ loại tràng phan, đi trước dẫn đạo. Đệ tam đại thần, tên là Hương Âm. Trong lỗ chân lông của vị thần này, phóng ra các loại mùi hương chiên đàn, ngát thơm vi diệu. Các mùi hương này, tỏa lên như mây, tạo thành trăm thứ màu sắc châu báu, bay vòng bảy lần trong cung điện này. Đệ tứ đại thần, tên là Hỷ Lạc. Thân vị thần này, phóng ra các ngọc như ý bảo châu. Mỗi một bảo châu, gắn trên tràng phan, tự nhiên nói ra: nguyện quy y Phật, nguyện quy y pháp, nguyện quy y Tăng. Lại cũng nói ra gìn giữ năm giới, vô lượng thiện pháp, các Ba La Mật. Và, lời lợi ích, khuyên gắng hộ trợ về tâm bồ đề. Đệ ngũ đại thần, tên là Chính Âm Thanh. Thân vị thần này, các lỗ chân lông, phóng ra loại nước. Trên mỗi loại nước, có năm trăm ức các loại tạp hoa. Trên mỗi bông hoa, lại hóa hiện ra, hăm lăm ngọc nữ. Mỗi nàng ngọc nữ, nơi lỗ chơn lông, lại phóng âm thanh. Những âm thanh ấy, tiếng hay thanh thoát, hơn cả âm nhạc, trong cung hoàng hậu, của các Thiên Ma.

19. Sau khi diễn tả cảnh trời Đâu Suất, đức Phật liền bảo, Ông Ưu bà Ly: “ Cõi Đâu Suất này, là nơi phúc đức, báo ứng thắng diệu của mười điều thiện. Nếu ta ở đời, khoảng nửa tiểu kiếp nói về trụ xứ của vị Bồ tát “ Nhất Sinh Bồ Xứ”, kết quả báo ứng của mười điều thiện cũng không hết được. Nay vì các vị, Ta nói sơ lược như thế mà thôi.

20. Đức Phật lại bảo ngài Ưu Bà Ly: “ Nếu các Tỳ Khưu hay đại chúng nào, không chán sinh tử, muốn sinh cõi trời, nhưng tâm ưu kính vô thượng bồ đề, và muốn được làm đệ tử Di Lạc, nên quán tưởng về cõi trời Đâu Suất. Nhưng khi quán tưởng, nên giữ năm giới, bát quan trai giới, thân tâm tinh tiến. Tuy chưa mong cầu dứt hết kết sử, nhưng cần phải tu, làm mười pháp lành. Mỗi sự suy nghĩ, về sự khoái lạc vô cùng vi diệu, cõi trời Đâu Suất, cần phải phát tâm. Quán tưởng như thế, gọi là chính quán. Nếu quán khác đi , đó là tà quán”.

21. Đức Phật dạy xong, ông Ưu Bà Ly, từ tòa đứng dậy, nghiêm chỉnh y phục, đầu diện lễ Phật, và bạch Phật rằng: " Kính bạch Thế Tôn, trên trời Đâu Suất có những sự vui rất mực như thế, nay ông Di Lạc, vào thế gian nào, ông sẽ viên tịch tại Diêm phù đàn, và sẽ sinh lên cõi trời Đâu Suất ?".

22. Đức Phật liền bảo ông Ưu Bà Ly: “ Di Lặc sinh trong dòng Ba bà Lợi thuộc dòng Bà la môn, thôn Kiếp ba lợi, nước Ba la Nại. Sau mười hai năm, vào ngày mười lăm tháng hai nông lịch, trở về nơi sinh, ông ngồi kiết già, như vào diệt định. Thân ông sắc vàng, màu sáng tía biếc. Và, ánh sáng ấy, chói lói như là ánh sáng của hàng trăm nghìn mặt trời. Cũng ánh sáng ấy, soi suốt lên đến cõi trời Đâu Suất. Xá lợi thân ông, như tượng vàng đúc, không lay, không động. Viên quang thân ông, hiện rõ chữ nghĩa của Thủ Lăng Nghiêm tam muội, bát nhã ba la mật đa”.

23. Khi ấy mọi người cùng các thiên chúng dõi theo ánh sáng, tìm đến nơi này, xây cất bảo tháp, cúng dường xá lợi. Và, cùng khi ấy, trên trời Đâu Suất, ông tự hóa sinh, ngồi kiết già phu, trong hoa sen bầu, trên tòa sư tử, ở điện ma ni, trong đài thất bảo. Thân ông sắc vàng, như là vàng ròng ở Diêm phù đàn. Thân ông cao đến mười sáu do tuần. Đủ bả hai tướng, tám mươi vẻ đẹp. Nhục kế đầu ông, màu tóc xanh biếc như ngọc lưu ly. Cái mũ thiên quan được trang nghiêm bằng ngọc thích ca tỳ lăng già ma ni, trăm nghìn vạn ức ngọc yên thúc ca. Mũ thiên quan ấy, có nhiều màu sắc, trăm vạn ức sắc. Trong mỗi một sắc, có đến vô lượng trăm nghìn hóa Phật, các hóa Bồ tát, đứng bên thị giả. Các đại Bồ tát ở phương khác đến, hiện ra mười tám thần thông biến hóa (13) , tùy ý tự tại. Tất cả đều hiện trong mũ thiên quan. Khoảng giữa chạn mày của ông Di Lặc, có hào quang trắng, phóng ra hàng trăm ánh sáng châu báu. Ba mươi hai tướng, trong mỗi một tướng, có năm trăm ức màu sắc châu báu. Mỗi một vẻ đẹp cũng có đến cả hàng năm trăm ức màu sắc châu báu. Mỗi một tướng tốt, lại ánh hiện ra tám vạn bốn nghìn đám mây quang minh.

24. Bồ tát Di Lặc cùng các thiên tử, ngồi tòa hoa sen. Ngày đêm sáu thời (14) , thường nói diệu pháp. Nói những pháp hạnh về “ Bất thoái chuyển ”. Trong một thời gian, ông thành tựu cho hàng năm trăm ức các vị thiên tử , không thoái chuyển được đạo pháp vô thượng chính đẳng chính giác. Cứ thế ngày đêm, trên trời Đâu Suất, thường nói pháp ấy, để hóa độ cho các vị thiên tử. Vào khoảng năm mươi sáu ức vạn năm của cõi Diêm phù, ông sẽ giáng sinh trở lại cõi này, như Ta đã nói ở trong quyển kinh Di Lặc Hạ Sinh”.

25. Đức Phật lại bảo ông Ưu Bà Ly :“ Thế là nhân duyên Bồ tát Di Lặc mất ở Diêm phù, sinh lên Đâu Suất”.

26. “Sau Ta diệt độ, các đệ tử Ta., nếu ai siêng năng, tu các công đức, uy nghi không thiếu, quét tháp, lau đất, cúng dường các thứ hương thơm, hoa quý, tu các môn định, thâm nhập chính định, đọc tụng kinh sách, những người như thế , cần nên chí tâm. Tuy chưa dứt hết tất cả kết sử, cùng chưa chứng được sáu phép thần thông, nhưng cần hệ niệm (15) . Niệm hình tượng Phật, xưng tán hồng danh của ông Di Lặc. Những người như hế, chỉ trong một niệm, thụ tám trai giới, tu các tịnh nghiệp, phát thệ nguyện rộng, sau khi mệnh chung, ví như tráng sĩ co duỗi cánh tay, liền được sinh lên cung trời Đâu Suất, ngồi kiết già phu ở trên hoa sen, trăm nghìn thiên tử, tấu nhạc cõi trời, và rải các hoa, trên đầu người ấy, như hoa mạn đà, hoa đại mạn đà, và khen ngợi rằng:” Lành thay, lành thay, này thiện nam tử, khi ông ở cõi Nam Diên phù đề , tu nhiều phúc nghiệp, mới sinh lên đây. Nơi đây gọi là cõi trời Đâu Suất. Thiên chủ ngày nay là ngài Di Lặc. Ông nên quy y, xưng tán hồng danh và lăm lễ Ngài. Lễ rồi nhìn kỹ tướng hào quang trắng ở giữa chạng mày, sẽ khỏi các tội sinh tử luân hồi, chín mươi ức kiếp”.

27. “Và, ngay khi ấy, tùy theo duyên trước Bồ tát Di Lặc, liền nói diệu pháp. Nói các diệu pháp, làm người ấy, giữ gìn vững vàng, không thoái chuyển được đạo tâm vô thượng .

28. Các chúng sinh ấy, sạch được các nghiệp, làm được sáu sự (16) , quyết được sinh lên cõi trời Đâu Suất, gặp được Di Lặc, xuống cõi Diêm phù, cùng được nghe pháp trong hội thứ nhất. Trong đời vị lai, thuộc thời Hiền kiếp, gặp được tất cả chư Phật thuyết pháp. Trong kiếp Tinh tú, cũng lại gặp được chư Phật , Thế Tôn. Và , trước chư Phật, được thụ ký đạo vô thượng bồ đề ”.

29. Đức Phật lại bảo ông Ưu Ba Ly :“Sau Ta diệt độ, các vị Tỳ khưu, các Tỳ khưu ni, cùng ưu bà tắc và Ưu bà di, thiên Long, Dạ xoa, Càn thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già ..., nghĩa là tất cả các đại chúng ấy, nếu ai được nghe hồng danh của ông Di Lặc Bồ tát. Nghe rồi hoan hỷ, cung kính, lễ bái, người ấy mệnh chung, chỉ trong giây lát, như khảy móng tay, liền được sinh lên cõi trời Đâu Suất, như trên không khác. Và, ngay cả đến chỉ nghe được tên Bồ tát Di Lặc, sau khi mệnh chung, không phải đọa vào những nơi hắc ám, biên địa, tà kiến và ác luật nghi. Thường được sinh vào gia đình chính kiến, họ hàng nề nếp, tin tưởng Tam bảo”.

30. Đức Phật lại bảo ông Ưu Ba Ly :“Nếu thiện nam tử , thiện nữ nhân nào, phạm các giới cấm, tạo nhiều nghiệp ác, nghe được hồng danh Di Lạc Bồ tát, ngũ thể đầu địa (17) , thành tâm sám hối, các nghiệp ác ấy, chóng được thanh tịnh. Trong đời vị lai, nếu chúng sinh nào nghe được hồng danh Bồ tát Di Lạc, tạo lập hình tượng, cúng dường hương hoa, y phục, phướn lọng chí thành lễ bái, nhất tâm hệ niệm, đến khi sắp mất, sẽ được Bồ tát phóng hào quang trắng giữa chạng mờ, cùng các thiên tử, rải hoa mạn đà, lại đón người ấy. Chỉ trong giây lát, người ấy liền sinh lên cõi Đâu Suất, gặp được Bồ tát , đầu diện kính lễ dưới chân Bồ tát. Và, khi người ấy chưa ngừng đầu lên, đã được nghe pháp. Được nghe pháp rồi, với đạo vô thượng, không bị thoái chuyển. Trong đời vị lai, được gặp chư Phật. Chư Phật rất nhiều như cát sông Hằng”.

31. Đức Phật lại bảo ông Ưu Ba Ly :“ Ông nên nghe kỹ ! Trong đời sau này, Bồ tát Di Lạc, làm chỗ quy y cho các chúng sinh. Nếu được quy y Bồ tát Di Lạc, người ấy nhất định, không bị thoái chuyển trong đạo vô thượng. Và, khi Bồ tát thành bậc Như Lai Ứng, Chính Biến Tri, người thực hành ấy, thấy hào quang Phật liền được thụ ký”.

32. Đức Phật lại bảo ông Ưu Ba Ly :“Sau khi diệt độ, trong hàng bốn chúng đệ tử của Ta, hay các bộ chúng Thiên, Long, quỷ thần ..., nếu ai muốn sinh lên trời Đâu Suất, cần nên quán tưởng, hệ niệm tư duy về trời Đâu Suất. Cần giữ giới cấm của Phật đã dạy. Kể từ một ngày cho đến bảy ngày, suy nghĩ niệm vãng về mười điều lành, siêng năng thực hành mười thiện nghiệp đạo (18) , đem công đức ấy, hồi hướng tất cả, mong được sinh lên cõi trời Đâu Suất, và được tới trước Bồ tát Di Lạc”.

33. Nên quán như thế! Quán tưởng như thế, thấy được một người, một bông hoa sen trên cõi trời ấy; hoặc trong một niệm, xưng tán hồng danh Bồ tát Di Lạc, người ấy khỏi được tội lỗi sinh tử nghìn hai trăm kiếp. Chỉ nghe danh hiệu Bồ tát Di Lạc, chấp tay cung kính, người ấy khỏi được tội lỗi sinh tử hàng năm mươi kiếp. Nếu ai kính lễ Bồ tát Di Lạc, khỏi tội sinh tử hàng trăm ức kiếp. Ví dù không muốn sinh lên Đâu Suất, trong đời vị lai, dưới cây Long Hoa sẽ cũng gặp được Bồ tát Di Lạc, phát tâm vô thượng”.

34. Khi đức Thế Tôn nói lời ấy rồi, vô lượng đại chúng, từ tòa đứng dậy, lễ xuống chân Phật, và lễ dưới chân Bồ tát Di Lạc. Lễ rồi đi

nhiều, vòng quanh đức Phật, Bồ tát Di Lạc hàng trăm nghìn vòng. Người chưa đắc đạo, phát lời nguyện rằng: "Tất cả chúng con thiên, nhân tám bộ ..., nay trước đức Phật, thành thực thệ nguyện, nguyện đời vị lai, mong mỗi được gặp Bồ tát Di Lạc. Trong đời hiện tại, chúng con mong mỗi, xả báo thân này, đều được sinh lên cõi trời Đâu Suất".

35. Khi ấy Thế Tôn lại thụ ký rằng: “ Tất cả các ông cùng những chúng sinh trong đời vị lai, tu phúc, trì giới, đều được tới trước Bồ tát Di Lạc, và được Bồ tát nhiếp thụ cho cả ”.

36. Đức Phật lại bảo ông Ưu Ba Ly :“ Quán tưởng như thế gọi là chính quán. nếu quán khác đi, gọi là tà quán”.

37. Sau khi Phật say, tôn giả A Nan, từ tòa đứng dậy, chấp tay, quỳ thẳng, bạch đức Phật rằng:“ Kính bạch Thế Tôn. Lành thay Thế Tôn, Thế Tôn nói rõ về công đức của Bồ tát Di Lạc. Thế Tôn lại còn hoan hỷ thụ ký cho các chúng sinh trong đời vị lai, thực tâm tu phúc, sẽ được quả báo. Con xin tùy hỷ những công đức ấy. Kính xin Thế Tôn cho con được biết về sự quan yếu của giáo pháp này, thụ trì thế nào ? Và, kinh pháp này đặt tên là gì?”

38. Đức Phật liền bảo ông A Nan rằng : “ Ông nên nhớ đúng lời Phật đã dạy, và nên cẩn thận, chớ có lãng quên ! Ông cần vì các chúng sinh đời sau, mở ra cho họ con đường sinh thiên, và chỉ cho họ tướng của bồ đề, khiến cho Phật chủng không bị đứt mất. Kinh này được gọi là kinh Di Lạc Bồ Tát Niết Bàn. Cũng là kinh Quán Di Lạc Bồ Tát Sinh Đâu Suất Thiên. Ông khuyên mọi người phát tâm bồ đề, thụ trì như thế ”.

39. Khi Phật nói rồi, mười vạn Bồ tát từ phương xa lại, các vị liền chứng Lăng Nghiêm Tam Muội. Tám vạn ức vị trên các cõi trời phát tâm bồ đề, đều nguyện tùy tùng Di Lạc hạ sinh.

40. Khi đức Phật nói kinh này xong rồi, bốn chúng đệ tử, Thiên, Long ... tám bộ, nghe lời Phật nói, đều rất hoan hỷ, lễ Phật rồi lui.

Tâm Kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa

Khi ngài Quán Tự Tại Bồ tát thực hành sâu xa pháp Bát nhã ba la mật đa, Ngài soi thấy năm uẩn đều không, qua hết thấy khổ ách.

Này ông Xá ly Tử ! Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc, Sắc tức là Không, Không tức là Sắc. Thụ, Tướng, Hành, Thức cũng đều như thế.

Này ông Xá ly Tử ! Tướng Không của mọi pháp, không sinh, không diệt, không nhớ, không sạch, không thêm, không bớt.

Cho nên trong “Chân Không ” không có Sắc, không có Thụ, Tướng, Hành , Thức; không có mắt tai, mũi, lưỡi, thân , ý; không có sắc, thanh, hương, vị , xúc, pháp; không có nhãn giới, cho đến không có ý thức giới; không có vô minh, cũng không có cái hết vô minh; cho đến không có già chết, cũng không có cái hết già chết; không có khổ, tập, diệt, đạo, không có trí tuệ, cũng không có chứng đắc.

Vì không có chỗ chứng đắc, nên Bồ tát y theo Bát nhã ba la mật đa, tâm không ngăn ngại. Vì không ngăn ngại, nên không sợ hãi, xa hẳn mộng tưởng điên đảo, đạt tới cứu cánh Niết bàn.

Chư Phật trong ba đời cũng y vào Bát nhã ba la mật đa, được đạo quả vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Cho nên biết Bát nhã ba la mật đa là đại thần chú , là đại minh chú, là vô thượng chú, là vô đẳng đẳng chú, trừ được hết thủy khổ, chân thực không hư.

Vì vậy nói ra bài chú Bát nhã ba la mật đa, liền nói bài chú ấy rằng:

“Yết đế, yết đế , Ba la yết đế . Ba la tăng yết đế . Bồ đề tát bà ha”.

NIỆM PHẬT

Thân Phật thanh tịnh tựu lưu ly.
Trí Phật sáng ngời như trăng sáng
Phật ở thế gian thường cứu khổ.
Tâm Phật không đâu không từ bi.

Nam mô Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật (10 lần)

Nam mô Đương Lai Hạ Sinh Di Lặc Tôn Phật (10 lần)

Nam mô Cực Lạc Giáo Chủ A Di Đà Phật (10 lần)

Nam mô Đông Phương Giáo Chủ Dược Sư Lưu Ly Quang Phật (10

lần)

Nam mô Quán Thế Âm Bồ tát (3 lần)

Nam mô Đại Thế Chí Bồ tát (3 lần)

Nam mô Địa Tạng Vương Bồ tát (3 lần)

Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ tát (3 lần)

TIÊU TAI CÁT TƯỜNG THẦN CHÚ

Nam mô tam mãn đá mẫu đà nẫm , a bát ra để, hạ đa xá, sa năng nẫm, đất diệt tha. Úm khư khư, khư hê, khư hê, hồng hồng, nhập phạt ra, nhập phạt ra, bát ra nhập phạt ra, bát ra nhập phạt ra, để sắt sá, để sắt sá, sắc trí rị, sắc trí rị, sa phần tra, sa phần tra, phiền để ca, thất rì duệ sa phạt ha. (3 lần)

CHÚC NGUYỆN

Nguyện ngày an lành, đêm an lành,
Đêm ngày sáu thời thường an lành,
Tất cả các thời đều an lành,
Xin nguyện Từ bi thường gia hộ.

HÒI HƯƠNG

Công đức tụng kinh khó nghĩ lường,
Vô biên thắng phước đều hồi hương.
Khấp nguyện chúng sinh trong pháp giới,
Đều được vãng sinh về cực lạc.
Nguyện tiêu ba chướng trừ phiền não,
Nguyện chân trí tuệ thường sáng tỏ,
Nguyện bao tội chướng thấy tiêu trừ,
Kiếp kiếp thường tu Bồ tát đạo.
Nguyện sinh Cực lạc cảnh phương Tây,
Chín phẩm hoa sen là cha mẹ.
Hoa nở thấy Phật chứng vô sinh,
Bồ tát bất thoái là bạn hữu.

PHỤC NGUYỆN

Kính mong:

Phật nhật tổ thêm, pháp luân quay mãi,
Mây từ rợp khắp, nguồn đạo dài lâu,
Quốc gia hưng vượng, dân chúng an hòa,
Thế giới thanh bình, chúng sinh hoan lạc.

Cúi xin:

Công đức trì chú, niệm Phật, tụng kinh hồi hướng Tây Phương, trang nghiêm Tịnh độ. Báo bốn trọng ân, giúp ba đường khổ. Hiện tiền tứ chúng, tăng trưởng thắng nhân. Quá vãng chân linh, siêu sinh lạc quốc. Âm dương đều lợi, ba cõi cùng nhờ, pháp giới chúng sinh đồng thành Phật đạo.

đại chúng cùng đọc:

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT

Tự quy y Phật, xin nguyện chúng sinh, thể theo đạo cả, phát lòng vô thượng. (1 lạy)

Tự quy y Pháp, xin nguyện chúng sinh, thấu rõ kinh tạng, trí tuệ như biển. (1 lạy)

Tự quy y Tăng, xin nguyện chúng sinh, thống lý đại chúng, hết thảy không ngại. (1 lạy)

Nguyện đem công đức này
Hướng về khắp tất cả.
Đệ tử và chúng sinh,
Đều trọn thành Phật đạo.

xá 3 xá rồi lui ra

Chú thích Kinh Di Lạc thành Phật

(1) Kinh Di Lạc hạ Sinh Thành Phật là quyển kinh số 455, trong Đại Chính Tân Tu Đại tạng Kinh, Kinh này do ngài Nghĩa Tịnh dịch từ chữ Phạm ra chữ Hán.

Theo Đại tạng, kinh Di Lặc có 6 quyển:

- Phật thuyết Quán Di Lặc Bồ tát thượng sinh Đâu Suất thiên kinh,
- Phật thuyết Di Lặc Hạ Sinh kinh,
- Phật thuyết Di Lặc Hạ Sinh thành Phật kinh, do ngài Cưu Ma La thập dịch.
- Phật thuyết Di Lặc Hạ Sinh thành Phật kinh, do ngài Nghĩa Tịnh dịch.
- Phật thuyết Di Lặc đại thành Phật kinh,
- Phật thuyết Di Lặc lai thời kinh.

Nay tôi dịch quyển kinh do ngài Nghĩa Tịnh dịch từ chữ Hán sang Việt nhưng theo lối văn tụng, để chư Phật tử dễ trì tụng.

Đại ý kinh này đức Phật nói về sự giáng sinh và thành Phật tại cõi Sa Bà sau này của đức Phật Di Lặc, Di Lặc (Maitreya) tiếng phạn phiên âm là Mai đế Lệ v.v.. Đây là tên họ của Ngài, Trung Hoa dịch nghĩa là Từ Thị, Ngài tên là A Dật Đa, Trung Hoa dịch nghĩa là “ Vô Năng Thắng”.

(2) Đoạn văn trên nói về phần tựa, nói rõ 6 yếu tố chứng tín là : xác tín, người nghe, thời gian, chủ trì, nơi chốn và đại chúng nghe pháp. Còn đoạn văn từ số (2) trở xuống thuộc phần chính tông trong kinh.

(3) Do tuần (yojana), còn phiên âm là Du Tuần, du xà na, du thiện na. Đây là thước đo của Ấn Độ xưa. Theo bộ Tây Vực Ký quyển 2, một do tuần là 40 dặm (lý), có chỗ nói là 30 dặm. Theo Tự điển Đoàn Trung Còn thì một dặm là 576 mét. Một Do tuần bằng 8 Câu lô xá (hay câu xá). Một câu xá là 500 cung. Một cung là 4 trửu (trửu, chứ không phải châu). Trửu là khuỷu tay. Một trửu (khuỷu tay) là 24 đốt ngón tay.

(4) xem nơi số 3.

(5) Nghĩa trang: trong kinh này, chữ Hán là Thi Lâm (có nơi in lầm là Thị Lâm) “Thi” là xác chết, “Lâm” là rừng, tức nơi để xác người chết. Do đó tôi dịch là “ nghĩa trang” cho tiện.

(6) Thất bảo: 7 thứ ngọc báu tức là kim, ngân, lưu ly, pha lê, xà cừ, xích châu, mã não.

(7) Da La (Tàrà) Đây là một loại cây ở Đông Ấn Độ. Theo bộ Tây Vực Ký thì cây này cao 780 thước (không rõ thước tây hay thước Trung Hoa xưa) , quả chín đỏ ăn được.

(8) Bát âm : tám thứ âm thanh . Bộ Từ Hải cho biết bát âm là : Kim (vàng) , thạch (đá), thổ (đất) , cách (da thuộc), ty (tơ tằm), mộc (gỗ cây), bào (cây bào), trúc (tre).

(9) Tứ Minh: gọi chung 4 bộ sách Veda của Ấn Độ 1- Thọ minh (Rig Veda) 2- Tụng minh (yajur-veda) 3- Bình minh (Sama-Veda) 4- Thuật minh (Artharva-Veda).

(10) Huấn giải, Thanh minh: Đây nói về sự dạy dỗ, giảng giải (huấn giải). Còn thanh Minh tức ngôn ngữ, văn tự học, là một trong 5 môn học của Ấn Độ xưa gọi là ngũ minh.

(11) Đâu Suất (Tushita): Một trong cõi trời thuộc Dục giới, Đâu Suất trung Hoa dịch nghĩa là :“ Tri túc, Hỷ túc, Diệu túc, Thượng túc”. Nội viện là nơi tu thanh tịnh của các bậc đã chứng thánh quả. Bồ tát Di Lặc đang thuyết pháp trên cung trời này. Sau này Ngài giáng sinh xuống nhân gian. Ngoại viện là nơi dành cho chư thiên được phúc báo, hưởng thụ, dục lạc.

(12) Ba cõi: Cõi Dục, Cõi Sắc, Cõi Vô Sắc

(13) Đế Thích: Tiếng phàm, phiên âm đủ là Thích Ca Đề Hoàn Nhân Đà La (Sakra Devanam Indra). Thích Ca là tên họ, dịch nghĩa là “Năng” Đề Hoàn dịch nghĩa là “Thiên” trời. Nhân Đà La dịch nghĩa là Đế “Vua”. Tức là vị vua ở trên trời , dòng họ Thích Ca. Vua Đế Thích làm chủ cõi trời Dục giới thứ hai, là cõi trời Đao Lợi, Trung Hoa gọi là cõi trời thứ 33.

(14) Lương túc tôn: Chỉ cho đức Phật , là bậc tôn kính, đầy đủ phước đức và trí tuệ.

(15) Niết bàn: (nirvana): Trung Hoa dịch nghĩa là “ Diệt, Tịch diệt, Diệt độ, Vô vi, An Lạc, Giải thoát”. có nghĩa là vị tu hành đã diệt trừ hết những phiền não, ra khỏi cảnh rừng vô minh tăm tối

(16) Xem nơi số 3.

(17) Xem nơi số 6.

(18) Tầm : thứ thước đo, trong thời cổ Trung Hoa, theo bộ Từ Hải thì tám thước (xích) là một tầm.

(19) Vô già : nghĩa là không bị che mờ, ngăn cách, phân biệt. Đây là nói về tổ chức bố thí một cách bình đẳng, không phân biệt giai cấp hay thiên vị....

(20) Phạm Chí tức là Bà la môn.

(21) Phạm Âm : Âm thanh của cõi trời Phạm thiên thanh tịnh, nên ví âm thanh của Phật như phạm âm. Phật có 8 loại âm thanh : 1- Cực hảo âm: đức của Phật rộng lớn, nói lên khiến người nghe vào đạo. 2- Nhu nhuyễn âm: đức của Phật từ bi, nói lên người nghe vui vẻ 3- Hòa thích âm: đức Phật dùng lý trung đạo, nói lên, đem lại sự điều hòa, thích hợp cho người nghe. 4- Tôn tuệ âm: đức của Phật là bậc tôn kính, người nghe tôn trọng, trí tuệ mở tỏ. 5- Bất nữ âm: đức của Phật ra khỏi thế dục, âm thanh của Phật nói lên, thiên ma ngoại đạo đều quy phục. 6- Bất ngộ âm: trí của Phật viên minh, soi tỏ không lầm, nói lên, người nghe bỏ tà kiến. 7- Thâm viễn âm: đức Phật chứng ngộ và đạt tới ngôi vị cao, Ngài nói lên, dù xa hay gần, lớn nhỏ, nghe được sẽ chứng được lý luận thâm. 8- Bất kiệt âm: đức Phật là bậc đã chứng được cực quả, hành nguyện của Ngài vô tận, nên âm thanh của Ngài nói ra thao thao vô tận, người nghe hiểu được chân nghĩa của lời nói và sẽ chứng được quả vị thường trụ vô tận.

(22) Tám chính đạo: 8 con đường chân chính; chính kiến, chính tư duy, chính ngữ, chính nghiệp, chính mệnh, chính tinh tiến, chính niệm, chính định.

(23) Bốn chân đế: tức là Tứ đế; Khổ, Tập, Diệt , Đạo.

(24) Tháng thần thông: Đây chỉ về ba tháng trai giới, tức tháng giêng, tháng 5, tháng 9. Trong 3 tháng ấy, chư thiên dùng thần túc thông, xem xét các nơi, nên chữ Hán gọi là “ Thần thông nguyệt, thần túc nguyệt, hay Thần biến nguyệt” .

(25) Tám giới: Tức là bát quan trai giới: không sát sinh, không trộm cắp, không dâm dục, không nói dối, không uống rượu, không trang

sức, không nghe hát, không ngồi giường cao, rộng đẹp, và không ăn phi thời.

(26) Ba thông: trong kinh Phật hay nói về "Tam minh" và "lục thông", Tam minh : Túc mệnh minh, Thiên nhãn minh, Lưu tận minh, Lục thông: Thần túc thông, Thiên nhãn thông, Thiên nhĩ thông, Tha tâm thông, Túc mệnh thông, Lưu tận thông. Chính văn của bài kệ này viết: “ Hoặc dĩ tam chủng thông, thần cảnh, ký giáo thụ”. Văn kệ này quá thu gọn và coi như có hàm nghĩa khó luận bàn. Theo thiển kiến của chúng tôi, phỏng luận “thần cảnh” tức là thần túc thông, ký là nghi nhớ, có lẽ ám chỉ cho “ túc mệnh thông” chẳng. Còn chữ “ giáo thụ” có nghĩa là dạy, trao, có lẽ là “thiên nhĩ thông” chẳng ? (xin các bậc cao minh chỉ giáo).

(27) Đâu la miên (Tùla): Một loại cây có bông, khi nở ra những lọn bông rất mềm.

(28) Sĩ trung thắng: Đây là lời tôn xưng đức Phật là một bậc hay là một người hơn tất cả trong loài người.

Chú thích Kinh Quán Di Lạc thượng sinh Đâu Suất thiên.

(1) Kinh Quán Di Lạc Bồ tát Thượng Sinh Đâu Suất thiên là một quyển kinh số 452 trong Đại Chính Tân Tu Đại Tạng kinh.

(2) Tu Đạt (Sudatta): Còn gọi là Tu Đạt Đa, chính tên ông Cấp Cô Độc. Ông là bậc trường giả, giàu có, hay làm việc bố thí. Ông là người kiến tạo tinh xá Kỳ Viên, cúng dường đức Phật và chúng Tăng. “Tu Đạt” , Trung Hoa dịch nghĩa là thiện Chí, thiện cấp v.v..

(3) Ưu Bà tặc (Upāsaka): Trung Hoa dịch nghĩa là “ Cận sự nam, thanh tín sĩ ” nghĩa là người nam , quy y Tam bảo, thụ trì ngũ giới, luôn luôn thân cận và phụng sự Tam bảo.

(4) Ưu Bà Di (Upāsika): Trung Hoa dịch nghĩa là “ Cận sự nữ , thanh tín nữ ” nghĩa là người nữ, quy y Tam Bảo, thụ trì ngũ giới, luôn luôn thân cận và phụng sự Tam Bảo.

(5) Pháp vương tử: Con đấng pháp vương. Bồ tát được sinh dục trong gia đình đấng pháp vương (Phật), nên gọi là Pháp vương tử. Phật địa luận viết: “ Từ miệng Thế Tôn sinh ra chính pháp. Người kế

thừa và làm long thịnh chính pháp ấy, khiến cho Phật chủng không đoạn tuyệt, gọi là Pháp vương tử.

(6) Đà ra ni (Dhàrani): Trung Hoa dịch nghĩa là “ Tác trì, Tổng trì”, nghĩa là đà ra ni này có lực dụng, giữ cho thiện pháp không mất, ác pháp không khởi. Đà ra ni có bốn loại là: pháp, nghĩa, chú, và nhẫn đà ra ni.

(7) Thụ ký (Vyakarana): Một trong mười hai bộ phận trong kinh. Đức Phật đối với chúng sinh phát tâm. Ngài dự ghi cho biết là sau này sẽ thành Phật.

(8) Nhất sinh bồ xứ (Eka-jāti-Pratibuddha): Vị đại Bồ tát tu chứng đạo quả, gần quả vị Phật , còn một đời nữa sẽ thành vô thượng chính đẳng chính giác, như Bồ tát Di Lặc sẽ giáng sinh xuống cõi Diêm phù Đề một lần nữa, tu chứng thành Phật.

(9) Diêm phù Đàn (Jambudvīpa): Có chỗ phiên âm là “Diêm phù Đề, Diêm phù, Thiệm bộ châu”. Tên gọi của một châu thuộc phía nam trong bốn châu quanh núi Tu Di, nên có chỗ gọi là Nam thiệm bộ châu hay Nam Diêm phù Đề. Theo Phật học thì châu này thuộc trái đất chúng ta ở.

(10) Anh Lạc: (Kevura): Xâu chuỗi bằng châu báu. Đồ trang sức của hàng quý phái Ấn Độ hay đeo nơi cổ, nơi ngực, nơi đầu. Chư Bồ tát , chư thiên nữ cũng hay đeo chuỗi anh lạc.

(11) Cờ: Dịch nghĩa từ chữ “Chàng”. Trong Phật giáo hay dùng chữ “ Chàng phan” Chàng, tiếng phạn là Đà phạ nhã (Dhvaja) , còn gọi là “Kế đô” (Ketu). Phan, tiếng phạn là Ba tra ca (Patāka). Là một vật được kết hay được thêu, may bằng vải nhiều màu, dát thêm các loại châu báu, treo trên một cây cao biểu trưng cho oai nghi, cho sự triệu thỉnh, hay cho sự chế phục những sự bất thiện của những loài có tâm niệm phá hoại.

(12) Phất : cây gỗ nhỏ ngắn hình tròn, đầu kết những sợi tơ, những lông chim, hay lông đuôi ngựa, để phủi các bụi trên bàn v.v.. Cùng hình thức ấy đối với vương quyền thuở xưa, có những viên chức cầm cây phất trần ấy đứng hầu, biểu tượng cho sự uy nghiêm, quyền lực. Đối với Phật giáo có nơi tụng lâm, nơi tổ đình hay trai đàn, vị chủ của những nơi ấy, đôi khi cũng dùng tới cây Phất ấy , những kết

bằng những sợi tơ nõn chẳng hạn. “Bạch phát” là cây phát màu trắng.

(13) 18 thần biến : 18 thứ thần thông biến hóa, Năng lực của Phật, Bồ tát, A la hán nương vào thiên định tự tại, thị hiện ra 18 thứ thần thông biến hóa:

A. Theo Du Già Sư Địa quyển 37 : 1) Chấn động (Kampana): Rung chuyển thế giới 2) Xí nhiên (Jvalana): Trên thân bốc lửa , dưới thân tuôn nước. 3) Lưu bố (Spharana): Tỏa ánh sáng cùng khắp. 4) Thị hiện (Vidarsana): Tùy theo sở thích của đại chúng hiện ra các ảnh tượng 5) Chuyển biến (Anyatibhàvakarana): Chuyển lửa thành nước, nước thành lửa v.v . . 6) Vãng lai (gamanàganana): tự do tự tại không chướng ngại 7) Quyền (Samksepa) Cuộn vật lớn thành vật nhỏ. 8) Thu (Prathana): Biến nhỏ thành lớn. 9) Chúng tướng nhập thân (Sarvarùpakàrya-pravesana); Thu tất cả sự vật gì hiện tiền vào trong thân mình. 10) Đồng loại vãng thú (Sabhàgatopasamkrànti): Đi tới mọi sắc loại, hiện ra đồng chủng loại âm thanh để thuyết pháp. 11) Hiện (Àvir-bhàva): hiện hiện thân hình trăm ngàn nghìn lần trước đại chúng. 12) Ẩn (Tirobhàva): Thân mình có thể ẩn khuất hàng trăm nghìn lần. 13) Sở tác tự tại (Vsaitva-karana): Đi lại trong mọi giới hữu tình, tự tại vô ngại. 14) Chế tha thần thông (Pararddhyabhi-bhavana): Chế phục thần thông của người khác. 15) Năng thí biện tài (Pratibhadàna): Khi biện tài của chúng sinh cùng tận, vị ấy có năng lực cấp cho biện tài. 16) Năng thí ức niệm (Smrti-dàna): Khi chúng sinh quên, vị ấy có năng lực làm cho sự nhớ nghĩ lại. 17) Năng thí an lạc (Sukha-dàna): Cung cấp sự khinh an về thân tâm cho những người nghe pháp, và diệt trừ những chướng nạn ở các giới. 18) Phóng đại quang minh (Rasmipramoksana); Dùng thần lực, phóng ra rất nhiều ánh sáng, làm Phật sự và làm lợi ích chúng sinh.

B. Theo phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương Bản Sự trong kinh Pháp Hoa: 1) Nách bên hữu ra nước 2) Nách bên tả ra lửa. 3) Nách bên tả ra nước. 4) Nách bên hữu ra lửa. 5) Trên thân ra nước. 6) Trên thân ra lửa. 7) Dưới thân ra nước. 8) Trên thân ra lửa. 9) Đi dưới nước như trên đất. 10) Đi trên đất như trên nước. 11) Ẩn trên không bỗng nhiên hiện xuống đất. 12) Ẩn dưới đất bỗng hiện trên không. 13) Đi trên hư không. 14) Ở trên không trung. 15) Ngồi trên không trung. 16) Nằm trên không trung. 17) Hiện thân lớn đầy hư không. 18) Hiện lớn thành nhỏ.

(14) Sáu thời: Thuở xưa chia ngày đêm, làm sáu thời : sáng, trưa, chiều, chập tối, nửa đêm, gần sáng (tức sơ dạ, trung dạ, hậu dạ).

(15) Hệ niệm: "Hệ" là trói buộc hay hệ thuộc với nhau. "Niệm" là nhớ nghĩ hay chú ý đến sự việc gì. "Hệ niệm" nghĩa là giữ chặt và chú ý đến sự vật gì đó một cách liên tục, không dờn đổi. Như, tu thiền phải chánh niệm, niệm Phật phải nhất tâm bất loạn v.v...

(16) Sáu sự : Bồ tát muốn thành tựu 6 độ, cần làm 6 việc: 1) Cúng dường bố thí 2) Học giới (trì giới). 3) Tu tâm bi (thương chúng sinh. Nhẫn nhục). 4) Chăm làm việc thiện (tinh tiến). 5) Tránh luận nghị (thiền định). 6) Ham thích giáo pháp (tăng trưởng trí tuệ).

(17) Ngũ thể đầu địa: Khi lễ bái, 5 chi thể nơi thân mình, đặt sát mặt đất. Năm chi thể của thân mình tức là đầu, hai tay, và hai đầu gối.

(18) Mười thiện nghiệp đạo: Nói về nhân quả của mười điều thiện: a) Thân không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm; b) Miệng: không nói dối, không nói lười đời, không nói thêu dệt, không nói thô ác; Ý: không tham, không sân, không tà kiến (si).

HẾT